

HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN HOA VỚI SỰ NGHIỆP HOÀNG PHÁP VÀ ĐÀO TẠO TĂNG TÀI

Tóm tắt: Sang thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam có sự suy thoái và bị lấn át bởi các tôn giáo khác. Trong bối cảnh đó, nhiều bậc danh tăng đã cùng nhau khởi xướng Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Trong phong trào đó, Hòa thượng Thích Thiện Hoa là người có những đóng góp to lớn trong việc chấn hưng nền móng đào tạo tăng tài và hoàng pháp với Phật học Đường Nam Việt của Giáo hội Tăng già Nam Việt vì một Phật giáo Việt Nam phát triển vững mạnh đến hôm nay. Hòa thượng Thích Thiện Hoa đã tiếp thu tư tưởng chấn hưng từ các trường Phật học Lương Xuyền, Báo Quốc tại Huế, đồng thời kế thừa sự nghiệp chấn hưng của các tổ Phi Lai (Chí Thiện), Khánh Anh. Khi trở về miền Nam (1950-1972), Hòa thượng tích cực triển khai tư tưởng chấn hưng đó vào công tác giáo dục, hoàng pháp và tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Phật giáo ở miền Nam phát triển được như hôm nay đều có phần đóng góp của Hòa thượng Thích Thiện Hoa một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Từ khóa: Thích Thiện Hoa; đào tạo tăng tài; hoàng pháp; chấn hưng Phật giáo; Giáo hội Tăng già Nam Việt; Phật học Đường Nam Việt.

1. Dẫn nhập

Hòa thượng Thích Thiện Hoa (1918-1973) đã góp phần quan trọng trong việc đặt nền móng đào tạo tăng tài và hoàng pháp vì sự phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) nói riêng và sự phát triển của dân tộc Việt Nam nói chung. Thấm nhuần nguyên tắc muốn phục hưng Phật giáo hữu hiệu thì trước hết phải có sư tài giỏi,

* Thích Thiện Minh. Email: thienminh72@gmail.com

Ngày nhận bài: 3/01/2019; Ngày biên tập: 15/01/2019; Ngày duyệt đăng: 24/01/2019.

có tầm nhìn dân tộc và dám dấn thân hoằng pháp, sau khi được đào tạo tại các trường Phật học Lương Xuyên, Báo Quốc tại Huế, trở về miền Nam, Ngài quyết tâm thành lập Phật học Đường để đào tạo Tăng tài - nguồn nhân lực tiếp nối sự nghiệp hoằng dương chính pháp của Phật giáo Việt Nam.

Năm 28 tuổi (1945), Ngài cùng với sư Thích Trí Tịnh khai trương Phật học Đường Phật Quang tại Bang Chang, Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ, với khoảng 30 tăng ni sinh. Sang 29 tuổi (1946), Ngài thọ giới Tỳ kheo và Bồ Tát giới tại Giới đàn Kim Huê, Sa Đéc. Đó là những năm đỉnh điểm của cuộc chiến tranh chống Pháp khốc liệt ở miền Nam (1946-1947), một số tăng sĩ đã cởi áo cà sa để mặc áo chiến ra trận, sư Thích Trí Tịnh dời về Sài Gòn. Lúc này, gần như một mình Hòa thượng Thiện Hoa gánh vác mọi Phật sự để duy trì Phật học Đường Phật Quang. Mặc dù, trong cảnh chiến tranh, lớp học luôn bị đốt phá, có lúc lớp học chỉ còn 4 tăng sinh nhưng Ngài vẫn kiên trì lên lớp truyền trao đạo Pháp bền bỉ. Đây là thời gian mà Ngài đã dốc toàn tâm huyết, trí tuệ và lòng từ bi để chấn hưng Phật giáo Việt Nam trên cả hai phương diện *đào tạo tăng tài* và *hoằng pháp lợi sinh*. Điều này đã trở thành tôn chỉ dấn thân của riêng Hòa thượng. Nhờ nỗ lực to lớn đó, rất nhiều lớp tăng ni có trình độ, sở học và tu tập nghiêm cần, đã tiếp nối sự nghiệp chấn hưng Phật giáo nước nhà, tiếp tục xây dựng một GHPGVN vì đạo pháp và dân tộc, vì hòa bình và hạnh phúc.

2. Những đóng góp của Hòa thượng Thích Thiện Hoa

2.1. Công tác Giáo hội

Trong suốt những năm tham gia lãnh đạo Giáo hội (1951-1963), Hòa thượng Thích Thiện Hoa đảm nhiệm (và kiêm nhiệm) nhiều vị trí quan trọng, như: Trưởng ban Hoằng pháp Giáo hội Tăng già Việt Nam (GHTGVN); Trưởng ban Hoằng pháp Hội Phật học Việt Nam (HPHVN, 1953), Trưởng ban Giáo dục GHTGVN (1953); Đốc giáo Phật học Đường Nam Việt (PHĐNV, 1953); Ủy viên Hoằng pháp Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1956); Phó Trị sự Giáo hội Tăng già Nam Việt (1957); Trưởng ban Giáo thụ Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam, kiêm Ủy viên Giáo dục Tổng hội Phật giáo Việt Nam (1959). Người thực sự đóng vai trò to lớn góp phần đưa Giáo hội Phật

giáo Việt Nam thời kỳ này trở thành “một tập đoàn Phật giáo rất trang nghiêm và có uy thế”¹.

Khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (1964-1973) thành lập, với hai viện là *Tăng Thống* và *Hóa Đạo*, Hòa thượng được bầu vào vị trí Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo, rồi Viện trưởng Viện Hóa Đạo (1968) và đồng thời Ngài trụ trì Việt Nam Quốc Tự cho đến ngày viên tịch (1973). Trong tình hình khó khăn của dân tộc và phức tạp của Phật giáo Việt Nam khi đó, Giáo hội rất cần một người có tầm nhìn và khả năng lãnh đạo đủ bi, trí, không chỉ vì hòa bình dân tộc, mà còn đủ kiên nhẫn và bao dung để liên kết được mọi thành phần trong và ngoài Giáo hội. Hòa thượng Thích Thiện Hoa đã đáp ứng được yêu cầu lịch sử đó của Phật giáo Việt Nam. Trong vai trò lãnh đạo Giáo hội, Hòa thượng đã lấy tôn chỉ nhập thế “Phật pháp bất ly thế gian giác” làm sợi chỉ đỏ xuyên suốt để định hướng nguyên tắc phát triển của Phật giáo Việt Nam gắn kết các lợi ích Đạo pháp - Quốc gia - Dân tộc. Ngài đã từng tuyên bố “Nếu phải đem thân xác này chia xẻ làm trăm ngàn mảnh để đổi lấy hòa bình cho Việt Nam, tôi cũng rất sẵn sàng”², và Ngài kiên trì đường lối lãnh đạo Phật tử *đấu tranh ôn hòa* nhằm cải tổ chính phủ vì *lợi ích quê hương, đồng bào, đạo pháp và dân tộc*.

Hầu như toàn bộ hoạt động Phật sự trong Giáo hội của Hòa thượng Thích Thiện Hoa luôn gắn liền với hai lĩnh vực: *Giáo dục đào tạo tăng tài* (1953-1957) và *Hoằng pháp* (1953-1963). Người coi *giáo dục đào tạo tăng tài* là chiến lược chuẩn bị lực lượng nội bộ để kế thừa và lan tỏa Phật giáo không ngừng; còn *Hoằng pháp* là nhiệm vụ của toàn bộ tăng ni nhằm đưa Phật pháp vào cuộc sống, đồng thời đưa Phật giáo bám rễ sâu rộng hơn trong lòng dân tộc. *Giáo dục* là mặt trong, đứng về thời gian, *hoằng pháp* là mặt ngoài, đứng về không gian³. Đây là hai vế luôn gắn kết chặt chẽ trong mọi nhiệm vụ của tăng ni Phật giáo nói chung và càng là trọng trách của hàng lãnh đạo Phật giáo nói riêng. Hòa thượng khẳng định mối quan hệ chiến lược của hai vế *đào tạo* và *hoằng pháp*, nhưng nhấn mạnh, trước hết và trên hết, phải *đào tạo* đội ngũ chư tăng có tài đức kiêm toàn, am hiểu nội giáo và ngoại giáo, có đủ khả năng phụng sự Phật sự hiện tại và tương lai. Muốn vậy, các

trường dạy Phật học cho tăng ni sinh phải lấy phần nội điển làm cốt yếu, rèn chí hướng phụng sự chính pháp làm tiêu chuẩn và lấy “đắc thành chính quả” (lợi tha, cứu thế) làm cứu cánh. Tuy nhiên, Ngài cũng nhận thấy trong thực tế, nhiều nhà sư hành đạo nhưng vì thiếu phương tiện và chuyên môn nên chỉ hoằng pháp lợi sinh bằng phương tiện nội điển, mà không thể triển khai vào thực tế các ngành sinh hoạt sống động của xã hội, vì vậy làm giảm mất nhiều ảnh hưởng tốt của Phật giáo tới đời sống của đại đa số quần chúng⁴.

Hòa thượng luôn chú trọng tới nhu cầu mới của thời đại đối với sự nghiệp chấn hưng Phật giáo, và sớm thấy rằng nếu người hành đạo vẫn cứ giữ những lễ lối cũ, không có phương thức hoằng pháp thích hợp với xã hội mới, không có kiến thức và khả năng thích hợp với các lĩnh vực xã hội thì Phật giáo sẽ mất dần ảnh hưởng, không giữ được vai trò lãnh đạo tâm linh nữa. Ý thức rõ trọng trách của người lãnh đạo Giáo hội như vậy, Hòa thượng đã dành tâm huyết cho chiến lược *giáo dục đào tạo tăng tài và hoằng pháp* trong công cuộc chấn hưng Phật giáo nước nhà.

2.2. Phiên dịch và trước tác

Theo Hòa thượng Thiện Hoa, một tôn giáo hay một học thuyết nào dù cao siêu đến đâu, thì khi truyền đến một nước khác, nếu không phiên dịch ra tiếng nước ấy thì không bao giờ tôn giáo hay học thuyết đó trở thành phổ biến được. Ngài nhấn mạnh, “... các nước Phật giáo trên thế giới, phần nhiều đã dịch hết Tam tạng Kinh của Phật giáo ra tiếng nước họ. Duy có Phật giáo Việt Nam về phiên dịch rất nghèo nàn và tui thẹn”⁵. Một trong những nguyện vọng của Hòa thượng là dịch những tác phẩm kinh điển Phật giáo ra tiếng Việt để cho người tu học có thể tham cứu dễ dàng và chính xác. Trong cuộc đời hoằng truyền chánh Pháp và chấn hưng Phật giáo, Hòa thượng đã biên soạn được một bộ giáo trình dạy Phật pháp có hệ thống từ sơ cấp đến cao đẳng (cho 12 khóa Phật học Phổ thông)⁶.

** Các tác phẩm phiên dịch của Hòa thượng gồm:*

- *Duy Thức Học* (6 quyển)
- *Kinh Kim Cang*

- *Tâm Kinh*
- *Luận Đại Thừa Khởi Tín*
- *Luận Nhân Minh*.

Thành tựu phiên dịch của Hòa thượng để lại gồm nhiều chuyên đề, và cả các *tạp luận, sự tích Phật giáo*,... Chúng được xếp theo hệ thống từ trình độ đại cương đến chuyên sâu, từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, làm cho người đọc dễ chọn lựa, “như cây thang có nhiều nấc, khiến cho người leo lên cao không khó”⁷.

Khi nhận chức vụ mới trong Ban Hoằng pháp và Ban Giáo dục, kiêm Đốc giáo của Phật học Đường Nam Việt, Hòa thượng vẫn dành thời gian ít ỏi để thực hiện nguyện vọng ấp ủ là dịch sang tiếng Việt tất cả các kinh sách Phật giáo bằng Hán văn trước đây và trên cơ sở đó soạn thành một chương trình Phật học phổ thông để cho tăng ni và tín đồ Phật tử dễ dàng tiếp thu chính xác tư tưởng giáo lý. Với ý nguyện đó, sau 13 năm miệt mài, năm 1965 Hòa thượng đã hoàn thành bộ Giáo trình *Cây thang giáo lý* (12 quyển), tức là 12 nấc thang để đào tạo các thế hệ theo 12 khóa “Phật học Phổ thông” một cách hệ thống⁸.

Hòa thượng đã tổng kết một số tiêu chuẩn khoa học cho việc phiên dịch và sáng tác là “viết văn hay diễn giảng ai cũng muốn cho nhiều người đọc và dễ hiểu. Nhưng trái lại, khi viết hay giảng, phần nhiều người muốn nói thật cao siêu, khó khăn, làm cho người đọc và người nghe phải mệt trí. Như thế không khác gì người muốn đi tới mà hai chân lại bước lui... Chúng tôi nhắm vào tiêu chuẩn: *Khoa học* (rõ ràng thứ lớp), *Đại chúng* (phổ thông, bình dân) và *Dân tộc* (sắc thái Việt Nam), nên những kinh sách, mặc dù khó đến đâu, qua sự phiên dịch, sáng tác của chúng tôi, cũng đều làm cho người đọc được dễ hiểu và rõ ràng”⁹. Đó là 13 tiêu chí cơ bản¹⁰ sau:

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| - Khả năng | - Kinh nghiệm |
| - Bền chí | - Trình bày tư tưởng Phật giáo |
| - Sức khỏe | Đông phương qua phương pháp |
| - Thích thú | Tây phương |
| - Tiêu chuẩn phiên dịch và | - Đặt sát vấn đề |

- sáng tác
- Không đi xa mục đích
- Tạo hoàn cảnh thích hợp
- Biết dừng và dám dừng tiền.
- Sáng kiến
- Sự xuyên suốt toàn bộ sự nghiệp
- Kế hoạch và tổ chức

** Các trước tác của Hòa thượng gồm:*

- *Phật học Phổ Thông* (12 quyển) còn gọi là *Cây Thang Giáo Lý*
- *Bản đồ Tu Phật* (10 quyển)
- *Bài học Ngàn Vàng* (8 tập)
- *Nghi thức Tụng Niệm*
- *Đại Cương Kinh Lăng Nghiêm*
- *Lược giải Kinh Viên Giác*
- *Phật học Giáo khoa các trường Bồ Đề*
- *Giáo lý dạy Gia Đình Phật Tử*
- *50 năm Chấn hưng Phật Giáo*
- *Phật giáo Việt Nam ngày nay.*

2.3. Giáo dục đào tạo tăng tài

Theo Hòa thượng, để hoằng pháp được hiệu quả, hành giả phải thông thạo Ngũ Minh - tức các ngành chuyên môn của tăng ni. Ngũ minh là hệ thống năm ngành kiến thức mà người hoằng pháp cần phải có. Có thể nói, Ngũ minh này được Đức Phật xác định trong quá trình xây dựng Tăng đoàn Phật giáo Nguyên thủy trên cơ sở hiểu rõ vai trò, chức năng của tu sĩ Phật giáo có thể đóng góp và chia sẻ với cuộc sống của dân chúng. Theo đó, Hòa thượng khẳng định chắc chắn rằng, ngày nay nếu vị tăng sĩ nào cũng áp dụng được pháp môn “Ngũ minh” này, chắc chắn sẽ được quần chúng ngưỡng mộ, tin theo và Đạo Phật sẽ phát triển vô cùng mạnh mẽ¹¹. Ngũ minh gồm: Nội minh, Nhân minh, Thanh minh, Công xảo minh và Y phương minh¹².

Nội minh là thông hiểu giáo lý Phật giáo (nội điển) để truyền bá sâu rộng và chính xác Phật pháp. Người hoằng pháp cần có kiến thức giáo lý căn bản của Tam tạng kinh¹³, đây cũng là phần căn bản dành cho

học tăng. Theo Hòa thượng, có được kiến thức chắc vững về Nội minh rồi mới học tới các ngành khác, vì không nắm vững nội điển thì sẽ không biết được chủ trương chân chính (tôn chỉ) của Phật. Có vậy mới khỏi chạy theo những sai lầm như vàng mã, đồng bóng, cúng sao cúng hạn, dòi mả, giết hại sinh vật để tế thần tế thánh, cúng kiếng ông bà...¹⁴.

Bởi vậy, đối với tu sĩ đi hoằng pháp, cũng như cư sĩ làm Phật sự, khi lĩnh vai trò điều khiển những tổ chức Phật học lại càng không thể không am tường nội điển. Theo Hòa thượng, Nội điển là nền tảng cần thiết định hướng cho các ngành khác trong Ngũ Minh. Chẳng hạn, *Kinh*, *Luật*, *Luận* còn được chia thành ba hệ thống rõ ràng là Bát nhã, Pháp tướng, Pháp tính; nhưng để tu sĩ và cư sĩ có thể thực hành và đạt quả vị giác ngộ thì phải biết thêm vô số pháp môn phương tiện thì mới có thể đem ra ứng tiếp với xã hội cho hợp thời và hợp cơ. Hòa thượng khẳng định trong Ngũ Minh “sự hiểu biết về nội điển là quan trọng bậc nhất”¹⁵.

Nhân minh là môn luận lý (logic) học của Phật giáo nhằm hướng dẫn cách lập luận đúng đắn, nhận định đúng, sai, chứng minh lập thuyết chân chính hay không bằng cách suy cứu đến nguyên nhân tối hậu. Nhân minh gồm 5 phần (*Ngũ đoạn luận*) liên quan mật thiết với nhau: *Tôn* (chủ trương của mình), *Nhân* (lý do thành lập chủ trương ấy) và *Dụ* (sự kiện đem ra để chứng minh), *Hợp* (kết nối hợp lý mọi yếu tố), *Kết* (kết luận).

Nhân minh giúp người hoằng pháp và đào tạo tăng tài không chỉ am tường giáo lý mà còn biết trình bày giáo lý ấy một cách rõ ràng, khúc chiết (nhân minh), làm tăng sức thuyết phục của Phật pháp, để có thể làm cho mọi người thấy giá trị chân thật của Phật pháp và chống lại được sự xuyên tạc, sai quấy, hạn chế của các học thuyết, quan niệm khác... thậm chí còn có thể thuyết phục ngoại đạo, tà giáo... để bảo vệ Phật pháp.

Thanh minh là các thiện xảo (kỹ năng văn chương, ngôn ngữ, âm thanh) của người tu sĩ làm đào tạo và hoằng pháp nhằm đạt được hiệu quả hơn, hầu hóa độ được nhiều người, không chỉ đối với người trong nước, mà còn đối với người nước ngoài. Hòa thượng liên hệ, nhờ có

Thanh minh thiện xảo tốt mà những trước tác của Phật mới được phiên dịch và đến được với đại chúng với lời hành văn sáng sủa, lưu loát. Hơn nữa, kiến thức về văn học giúp người hoằng pháp cũng như người phiên dịch hiểu và cảm được giáo lý uyên thâm để phiên dịch, diễn giảng giúp mở lối dễ dàng trao đổi văn hóa Phật giáo với các quốc gia trên phạm vi toàn cầu.

Công xảo minh là kiến thức và thực hành thiện xảo về công nghệ và kỹ thuật truyền thống và hiện đại. Theo Hòa thượng, người tăng sĩ biết được nhiều nghề, gặp hoàn cảnh nào cũng có thể giúp đỡ người đời được. Nếu tăng sĩ có thiện chí giúp đời mà tay chân vụng về, thiếu chuyên môn, không biết việc, thì cũng chẳng giúp ích gì được cho ai. Bởi vậy, tăng sĩ muốn ra giúp đời một cách đắc lực, trước hết hãy tự luyện tập cho mình có nhiều *Công xảo* hơn ai hết. Trong thời đại của công nghệ và kỹ thuật lên ngôi, *Công xảo minh* chính là phương tiện không thể thiếu khi phụng sự nhân loại, dựa trên lòng từ bi và vị tha hầu đem lại hạnh phúc cho muôn loài; ngược lại không có *Công xảo* tốt thì sẽ chỉ gây ra đau khổ, tang thương cho chúng sinh¹⁶.

Y phương minh là môn học về thuốc (*dược*) các phương pháp chữa bệnh (y). Các vị Phật, Bồ Tát chính là các lương y chữa trị cả tâm bệnh lẫn thân bệnh cho chúng sinh đau khổ. Vì chúng sinh đầy rẫy đau khổ cả về vật chất lẫn tinh thần, nếu tăng sĩ Phật giáo kết hợp sự thông thạo về *y-dược* cứu người với lòng từ bi thì đó là phương tiện hành đạo rất hiệu lực. Sự kết hợp này rất ích lợi cho việc hóa độ, vì khi được cứu chữa khỏi, nhiều bệnh nhân tự nguyện nghe theo, làm theo những lời chỉ dạy đầy thiện chí, lòng vị của vị tăng sĩ đã cứu giúp họ với thái độ cảm phục. Về đào tạo Y phương minh, Hòa thượng đã từng ao ước, sau này Phật giáo sẽ có được những bệnh viện do chính Phật tử chăm nom, và mỗi ngôi chùa địa phương có thể là một cơ sở cấp cứu cho đồng bào, Phật tử lúc bệnh tình nguy cấp¹⁷.

Trên cơ sở đào tạo Ngũ Minh của Phật giáo, Hòa thượng đã xây dựng được chương trình giảng dạy tăng ni sinh ở hai cấp Trung đẳng và Cao đẳng cho Phật học Đường Nam Việt. Ngoài ra, hàng năm, Hòa thượng còn mở các khóa Hạ và khóa Đông dành đào tạo các trụ trì, Như Lai sứ giả, đội ngũ tăng ni Hoằng pháp và Giáo dục, để sau đó bổ

nhiệm họ về các chùa địa phương để phục vụ chấn hưng Đạo pháp không ngừng nghỉ.

Năm 1953, khi nhận chức Trưởng ban Hoằng pháp Giáo hội Tăng già Việt Nam và Hội Phật học Nam Việt, Hòa thượng đã đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo tăng ni sinh bằng cách đa dạng hóa môn, ngành học và cử các tăng ni đã tốt nghiệp để nhân rộng mô hình Phật học đường tới các tỉnh và các chùa xa như chùa Pháp Hội (1954), chùa Phật học Biên Hòa, chùa Phật Ân Mỹ Tho, chùa Phước Hòa Vĩnh Bình... Chẳng hạn, Hòa thượng còn mở rộng giảng dạy cho cả lớp Trung đẳng Ni Chúng tại chùa Từ Nghiêm (sau các ni sinh trường này được gộp về Phật học Ni trường Dược Sư).

Sau khi được đào tạo, họ trở thành những giảng sư làm chủ các vấn đề Phật học và có thể đi diễn giảng ở khắp nơi. Không những thế, Hòa thượng còn đào tạo cả cư sĩ khi tổ chức các lớp giảng tại chùa Ấn Quang, tại chùa Phước Hòa hay chùa Xá Lợi (hàng tuần vào chiều Chủ nhật), và tin tưởng cử họ đi diễn giảng về Phật giáo ở các nơi ngoài Phật giáo¹⁸. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo mà Hòa thượng đã thành tựu nổi bật nhất là 12 giảng sư nổi tiếng qua hai khóa *Như Lai Sư giả* (1957). Họ là những tăng ni đủ trình độ và phẩm chất để nắm giữ trọng trách của giảng sư để hoằng truyền chính pháp và chấn hưng Phật giáo nước nhà. Các giảng sư này được Ngài chọn và cử đến các tỉnh giảng dạy 10 đêm Phật học Phổ thông, mỗi năm ba kỳ¹⁹. Trên đà đó, Hòa thượng mở thêm các lớp giảng Phật pháp do những giảng sư đã được Hòa thượng huấn luyện thay nhau giảng dạy tại các chùa Giác Tâm (Chi hội Phật học tỉnh Gia Định), chùa Dược Sư (Chi hội Phụ nữ Phật tử).

Liên tục trong mười năm (1953-1963), tuy bận nhiều việc của Giáo hội, nhưng Hòa thượng thường đích thân lên lớp dạy và đào tạo các tăng ni sinh (gồm cả các vị trụ trì) và cư sĩ, Phật tử vào tối thứ 4 và thứ 5 hàng tuần thứ năm hàng tuần tại hai chùa Ấn Quang và Xá Lợi theo chương trình *Phật học Phổ thông 12 khóa*. Nhiều tăng tài ưu tú đã trưởng thành từ Phật học Đường Nam Việt ra chung vai gánh vác sự nghiệp Phật sự và chấn hưng Phật giáo, như: Thượng tọa Tắc Phước, Thượng tọa Bửu Huệ, Thượng tọa Tịnh Đức, Thượng tọa

Thiền Tâm, Huyền Vi, Thanh Từ, Từ Thông, Thiện Giải, Thiền Định, Chánh Tiến, Quảng Long, Hoàn Quan, Liễu Minh, Huệ Thới, Nhựt Thường, Thắng Hoan và Đức Niệm... Ngoài ra, nhiều cư sĩ sau các khóa đào tạo của Phật học Đường Nam Việt đã trở thành các giảng viên nổi tiếng như Bác sĩ Cầm, Bác sĩ Khỏe, Đạo hữu Nhuận Chương, Minh Phúc,...²⁰ đóng góp rất hiệu quả cho sự nghiệp chấn hưng Phật giáo lúc đó.

2.4. Hoằng pháp

Hòa thượng Thiện Hoa là tấm gương hoằng pháp mẫu mực, dành cả cuộc đời cho tôn chỉ “không tách rời giữa nói và làm, lý thuyết và thực hành trên con đường hoằng pháp, lợi sinh”. Đối với Hòa thượng, truyền pháp và thực hành pháp luôn đem lại niềm vui và hạnh phúc ngay trong quá trình kiên trì học và thực hành: “... học giáo lý để mở mang tầm hiểu biết như lột bẹ chuối, lột hết lớp nọ đến lớp kia. Tu có nhiều cách, quan trọng chọn cho mình một pháp, kiên trì thực hành hoan hỷ thì mới có hoan hỷ²¹. Hòa thượng đã chú ý tới trình độ tâm linh của huynh đệ và tăng chúng trong quá trình dạy và học, đó là “... cái thấy, nhận thức khi đang nhận định thì cái biết ấy chưa chính xác. Chỉ có cái thấy biết tách khỏi đối tượng bằng trực kiến tâm linh mới là cao tuyệt²². Chính bởi mục tiêu nâng cao trình độ tâm linh của hoằng pháp đó, khi viên tịch Người đã nhắn nhủ: “Không hề gian lao, không hề khó nhọc, nơi đâu cần thì ta đến”, v.v...

Theo Hòa thượng, thời xã hội hiện đại đang đòi hỏi một phương thức hoằng pháp rộng rãi hơn, vì thế cần mở rộng phạm vi của hoằng pháp. Tuy nhiên tăng sĩ phải nắm vững Ngũ minh và “mỗi người sẽ là một chiến sĩ từ thiện xã hội, xây đắp cho nền Phật giáo tương lai hưng thịnh và thành tựu độ chúng sinh²³”.

“Mỗi Phật tử là một chiến sĩ từ thiện xã hội để thực hiện hoài bão cứu tế cao rộng của đức Bổn sư²⁴”, nên người hoằng dương chính pháp còn cần phải có đủ phương tiện và khả năng chuyên môn ngoài Nội minh để đi sâu vào các ngành hoạt động của xã hội, như vậy việc hoằng pháp mới có kết quả tốt. Qua xây dựng và thực hiện chương trình *Học Phật Phổ Thông*, Hòa thượng đã rút ra ba tiêu chuẩn đòi hỏi

các vị giảng sư (truyền pháp) phải hội đủ các năng lực cần thiết để truyền giảng thành công là:

Biết căn cơ của người cầu đạo.

Biết thời tiết đúng lúc truyền đạo.

Biết phương pháp nào thích hợp.

Vì, nếu truyền pháp không hợp căn cơ, hợp thời, hợp pháp thì không có kết quả²⁵. Đây là một quá trình lao động đầy sáng tạo, phải tìm mọi cách tốt nhất để cho người nghe dễ tiếp nhận một cách hứng thú. Hòa thượng còn là minh chứng sống động cho việc luôn gắn lý thuyết với thực hành với khẩu hiệu “tu là mỗi ngày sửa đổi một ít mới nên người tu. Nếu cố gắng hết sức với nhiếp tâm cao thì cuối cùng cũng trở nên điềm đạm, tăng tướng oai nghi lộ ra từ sự sửa lâu ngày”²⁶.

Người còn tận dụng hệ thống những phương tiện truyền thông hiện đại du nhập từ phương Tây để phát triển tăng tốc và hiệu quả hơn công tác truyền giảng chính pháp, như: xây dựng nhà xuất bản, phát hành báo chí Phật giáo, chương trình truyền thanh về Phật giáo, thư viện về Phật giáo,... Cụ thể, với sự cộng tác và làm chủ bút của Thượng tọa Thích Nhất Hạnh, Hòa thượng đã lập nên Nhà xuất bản Hương Đạo, và do chính Người chịu trách nhiệm và xuất bản tờ tạp chí *Phật giáo Việt Nam*, xây dựng một *Phật học Tùng thư* với 8 chuyên đề sách và tổ chức chương trình phát thanh Phật giáo hằng tuần trên Đài Phát thanh Sài Gòn.

Khi còn giữ trọng trách Trưởng ban hoằng pháp, Hòa thượng Thích Thiện Hoa đã đưa ra những nội dung căn bản của công tác xây dựng hệ thống giảng sư và hoạt động của giảng sư trong công tác hoằng pháp với các nội dung chi tiết về thành phần, hoạt động, ngân quỹ và sinh hoạt của giảng sư đoàn, v.v... Đến năm 2003, trên cơ sở kế thừa những di sản Hòa thượng để lại, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã lập ra *Ban Hoằng pháp* với tôn chỉ, nội quy rõ ràng nhằm hoằng truyền chính Pháp và Giáo dục tăng tài phù hợp với tình hình thời đại mới, cùng với 21 điều quy định. Thêm nữa, hệ thống giáo dục của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay được xây dựng trên tinh thần của Hiến

chương Giáo hội về ngành giáo dục mà Hòa thượng Thiện Hoa đã gây dựng, gồm: Giáo dục phổ cập, Giáo dục cơ bản Phật học, Giáo dục đại học Phật học.

3. Kết luận

Cả cuộc đời của Hòa thượng Thiện Hoa đã cống hiến trọn vẹn cho Đạo Pháp và chấn hưng Phật giáo nước nhà. Người đã cố gắng không mệt mỏi và đã để lại một sự nghiệp đào tạo và hoằng truyền chính pháp đồ sộ, làm tấm gương sáng ngời cho tăng ni các thế hệ sau. Điều này đã trở thành định hướng, phương châm hành động cho nhiều thế hệ tăng ni và cả cư sĩ, Phật tử của Phật giáo Việt Nam.

Hoằng pháp và đào tạo tăng tài có vị trí hết sức quan trọng trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo. Hệ thống nền móng đào tạo tăng tài và hoằng pháp mà Hòa thượng Thích Thiện Hoa và các cao tăng thạc đức dày công xây dựng để lại chính là một di sản lớn lao cho Phật giáo Việt Nam nói chung và cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói riêng, tiếp tục thành công với định hướng xây dựng một Giáo hội Phật giáo Việt Nam vì đạo pháp và dân tộc, vì hòa bình và hạnh phúc. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Thích Thiện Hoa (2014), *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Viện Hóa Đạo, Saigon, tr. 74.
- 2 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 590.
- 3 Thích Phước Năng (2010), *Phước Hậu tôn thể ký*, lưu hành nội bộ, tr. 42.
- 4 Thích Thiện Hoa (2014), *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Viện Hóa Đạo, Saigon, tr. 74-78.
- 5 Thích Thiện Hoa (1971), *Phật giáo Việt Nam ngày nay*, Sdd, tr. 41.
- 6 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 654.
- 7 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 614.
- 8 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 617.
- 9 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 655.
- 10 *Viết về Thầy - Tiểu sử Cố Hòa thượng Thích Thiện Hoa*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr. 18-19.

- 11 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 1, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 598.
- 12 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, Sdd, tr. 593.
- 13 Tam tạng kinh là 3 kho tàng kinh điển, gồm: Kinh, Luật, Luận.
- 14 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 1, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 594.
- 15 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, Sdd, tr. 597.
- 16 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, Sdd, tr. 598.
- 17 Thích Thiện Hoa (2014), *Bản đồ tu Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 430.
- 18 Thích Thiện Hoa (2014), *Bản đồ tu Phật*, Sdd, tr. 232-233.
- 19 Thích Thiện Hoa (2014), *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Viện Hóa Đạo, Saigon, tr. 74-78.
- 20 Thích Thiện Hoa (2014), *Bản đồ tu Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 428-430.
- 21 Trí Không (2012), *Vĩnh Long Phật giáo sử lược*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr. 475.
- 22 Thích Thiện Hoa (2014), *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Viện Hóa Đạo, Saigon, tr. 73-74.
- 23 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 1, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 598.
- 24 Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, Sdd, tr. 591.
- 25 Trí Không (2012), *Vĩnh Long Phật giáo sử lược*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr. 473.
- 26 Trí Không (2012), *Vĩnh Long Phật giáo sử lược*, Sdd, tr. 474.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả (2016), *Thầy tôi*, Nxb. Trung Đạo. Link: http://thuvienhoasen.org/images/file/_6ONHHXt0wgQAAsI/thay-toi-pdf.pdf.
2. Thích Thiện Hoa (2014), *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Viện Hóa Đạo, Sài Gòn.
3. Thích Thiện Hoa (2014), *Bản đồ tu Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Thích Thiện Hoa (1971), *Phật giáo Việt Nam ngày nay*, Tổng vụ Tài chánh xuất bản và phát hành (Bản lưu hành nội bộ).
5. Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 1, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
6. Thích Thiện Hoa (2017), *Phật học phổ thông*, quyển 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
7. Thích Phước Năng (2010), *Phước Hậu tôn thế kỷ*, lưu hành nội bộ.
8. Trí Không (2012), *Vĩnh Long Phật giáo sử lược*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
9. *Viết về thầy - Tiểu sử Cố Hòa thượng Thích Thiện Hoa*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

Abstract**VENERABLE THÍCH THIỆN HOA'S
THE WORK OF DHARMA PREACHING AND MONK
TRAINING**

In the twentieth century, Vietnam Buddhism was degraded and overwhelmed by other religions. In this context, many renowned monks have unanimously raised the Vietnam Buddhist Revival Movement. Venerable Thích Thiện Hoa made a great contribution to revive the monk training and Dharma preaching with Nam Việt Buddha Studies of the Nam Việt Sangha for a Vietnamese Buddhist Association. Venerable Thích Thiện Hoa received the Revival Thought from Buddhology Schools as Lưỡng Xuyên, Báo Quốc in Huế, and inherited the revival work of Phi Lai (Chí Thiên), Khánh Anh. He actively deployed the Revival Thought in education, propagation and organization the Vietnam Buddhist Sangha when he returned to the South Vietnam (1950-1972). Venerable Thích Thiện Hoa directly or indirectly helped development of Buddhism in the South Vietnam.

Keywords: Thích Thiện Hoa; monk training; Dharma preaching; Buddhist Revival Movement; Nam Việt Sangha; Nam Việt Buddhology.